

CÁCH CÀI ĐẶT BỘ ĐIỀU KHIỂN NAVITEK TD400

Để cài các thông số vào máy phát điện ta sử dụng các phím sau.

STT	Phím	Chức năng khi cài đặt.
1	STOP	Thoát khỏi cài đặt
2	MANUAL	Phím chuyển trang giá trị cài đặt
3	AUTO	Phím giảm giá trị cài đặt
4	START	Phím tăng giá trị cài đặt

Để vào trang cài đặt ta nhấn tổ hợp phím **STOP+SELECT** lúc này màn hình LCD sẽ hiển thị chữ **Start setup!!!** Dùng phím **MANUAL** để chuyển trang cài đặt và phím **AUTO** và **START** để tăng hoặc giảm giá trị cần cài.

CÁC THÔNG SỐ CÀI ĐẶT.		
STT	GIÁ TRỊ HIỂN THỊ	DIỄN GIẢI
1.	Start delay	Giá trị thời gian trễ trước khi khởi động máy tự động.
2.	Timer Preheat:	Thời gian xông xấy.
3.	Cranking timer:	Thời gian khởi động máy.
4.	Crank rest timer:	Thời gian ngừng máy trước khi khởi động lại.
5.	Safety on delay:	Thời gian chạy thử máy trước khi đóng tải (bỏ qua lỗi).
6.	Warning up time:	Thời gian cảnh báo lỗi trước khi tắt máy.
7.	Close Pulse:	Thời gian xung ngõ ra tác động đóng.
8.	Trip Pulse:	Thời gian xung ngõ ra tác động mở.
9.	Cooling timer:	Thời gian làm nguội máy.
10.	Solenoid hold:	Thời gian tác động ngõ ra ở chế độ OFF DELAY.
11.	Fail to stop:	Thời gian delay lỗi cảm biến trước khi tác động.
12.	phase number:	Chọn 1 pha hoặc 3 pha.
13.	Pole number:	Số cực của dinamo.
14.	Start number:	Số lần khởi động tối đa.
15.	INPUT:	
i.	Never active:	Không tác động.
ii.	Close-warn-start:	Tác động thường đóng cảnh báo ngay khi khởi động.
iii.	Open-warn-start:	Tác động thường mở cảnh báo ngay khi khởi động.
iv.	Close-shutdown-start:	Tác động thường đóng tắt máy ngay khi khởi động.
v.	Open-shutdown-start:	Tác động thường mở tắt máy ngay khi khởi động.
vi.	Close-warn-safer:	Tác động thường đóng cảnh báo sau khi chạy an toàn.
vii.	Open-warn-safer:	Tác động thường mở cảnh báo sau khi chạy an toàn.
viii.	Close-shutdown-safer:	Tác động thường đóng tắt máy sau khi chạy an toàn.
ix.	Open-shutdown-safer:	Tác động thường mở tắt máy sau khi chạy an toàn.

x.	Close-remote-start	Tác động thường đóng khởi động máy từ xa.
xi.	Open-remote-start	Tác động thường mở khởi động máy từ xa.
16.	OUTPUT:	
i.	Unused:	Không tác động.
ii.	Common alarm:	Tác động lỗi cảnh báo chung.
iii.	Shutdown alarm:	Tác động khi có lỗi tắc máy.
iv.	Engine running:	Tác động khi máy đang chạy.
v.	Load transfer:	Tác động khi máy đã chạy an toàn cho phép đóng tải.
vi.	Off delay stop:	Tác động chế độ off delay (hút solenoid tắc máy).
vii.	Preheat out:	Ngõ ra tác động xông xả.
17.	Low oil warning:	Giá trị cảnh báo áp lực nhớt thấp.
18.	Low oil shut down:	Giá trị tắc máy áp lực nhớt thấp.
19.	High water warning:	Giá trị cảnh báo nhiệt độ nước cao.
20.	High water shutdown:	Giá trị tắc máy nhiệt độ nước cao.
21.	Volt over warning:	Giá trị cảnh báo điện áp cao.
22.	Volt over shutdown:	Giá trị tắt máy điện áp cao.
23.	Volt under warning:	Giá trị cảnh báo điện áp thấp.
24.	Volt under shutdown:	Giá trị tắc máy điện áp thấp.
25.	Freq over warning:	Giá trị cảnh báo vượt tốc.
26.	Freq over shutdown:	Giá trị tắc máy vượt tốc.
27.	Freq under warning:	Giá trị cảnh báo thấp tốc.
28.	Freq under shutdown:	Giá trị tắc máy thấp tốc.
29.	Ratio CT:	Giá trị cài đặt CT.
30.	Current full load:	Giá trị 100% tải của máy.
31.	Current over load:	Giá trị quá tải.
32.	Delay over load:	Thời gian delay overload.
33.	VoltDC under shutdown:	Giá trị tắc máy điện áp DC thấp.
34.	Volt charge warning:	Giá trị điện áp DC cảnh báo không sạc.
35.	High oil discrank:	Giá trị áp lực nhớt báo cắt đề máy.

NHÀ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN DƯƠNG PHÁT

ĐC: 453, Lê Văn Khương, P. Hiệp Thành, Q12, TPHCM

ĐT: **08.22315595** Fax: **08.62559738** di động: **0982 972595**

Email: duongphat@navitekco.com

www.navitekco.com